

## TÍNH TỪ SỞ HỮU TRONG TIẾNG PHÁP (LES ADJECTIFS POSSESSIFS)

PHAN NGUYỄN THÁI PHONG\*

Tính từ sở hữu thường được dùng để nói lên mối quan hệ sở hữu, thí dụ như trong các câu sau :

*C'est **mon** vélo. (Đây là chiếc xe đạp của tôi)*

*Voilà **ma** maison. (Ngôi nhà của tôi kia kìa)*

### Ý nghĩa biểu đạt thông qua tính từ sở hữu :

Nếu đi sâu vào phân tích ngữ nghĩa người ta nhận thấy rằng tính từ sở hữu trong tiếng Pháp không chỉ dùng để nói lên mối liên hệ sở hữu mà còn được dùng để diễn đạt các mối liên hệ khác, các sắc thái biểu cảm khác.

Thật vậy, trong câu :

*Je te présente **ma** femme. (Xin giới thiệu với bạn đây là vợ tôi)*

*ma femme* không nhằm để khẳng định sự sở hữu “vợ của tôi” như là, nhà của tôi, xe của tôi. Ở đây tính từ sở hữu dùng để chỉ mối liên hệ về mặt xã hội (lien social) tương tự như *Madame Richard est ma nouvelle secrétaire.*

Tính từ sở hữu còn được dùng trong những tình huống trang trọng thể hiện sự tôn kính :

***Mon** commandant. (Thưa chỉ huy)*

***Ma** maîtresse. (Thưa cô chủ)*

***Votre** majesté. (Thưa Bệ hạ)*

***Monsieur.** (Thưa ông)*

---

\* ThS, Khoa tiếng Pháp, Trường ĐHSP Tp.HCM

Hãy dùng nêu lên một thuộc tính nào đó của người hoặc sự vật được nêu :

*Il a raté son bus. (Anh ấy trễ chuyến xe buýt)*

*Il nous ennuie avec ses histoires. (Nó làm cho chúng tôi chán với những câu chuyện của nó hay Nó kể những chuyện chán ngấy)*

*Il a mal à sa tête. (Nó [đang] bị nhức đầu)*

Được bỏ nghĩa bằng tính từ sở hữu, chuyến xe bus được nêu ra trong câu trên chắc chắn phải là chuyến xe mà anh ấy thường đi (chuyến xe vào lúc 6 giờ sáng chẳng hạn) hay chuyến xe mà anh ta dự định đi. Tương tự, khi nghe câu *Il nous ennuie avec ses histoires*, người ta dễ dàng hiểu rằng người được nêu ra (anh ta) là người thường hay kể chuyện cho người khác nghe (chúng tôi, chúng ta, nous) với những câu chuyện do anh ta sáng tác hoặc là những câu chuyện mang một đặc điểm nào đó (thí dụ như chán ngấy, vớ vẩn). Câu *Il a mal à sa tête* cũng mang đến cho người nghe một cách hiểu khác câu *Il a mal à la tête* (Nó nhức đầu) vì với tính từ sở hữu cái đầu của anh ta (sa tête) đã trở nên đặc biệt. Đó là cái đầu thường hay hành hạ anh ta.

Ngoài ra, tùy theo ngữ cảnh mà tính từ sở hữu mang một ý nghĩa nhất định, đôi khi rất khó xác định nghĩa chính xác của nó :

*Le directeur m'a accordé un entretien dans son bureau.*

*(Ông giám đốc tiếp chuyện tôi tại phòng làm việc)*

Phòng làm việc có thể thuộc sở hữu của ông giám đốc nhưng cũng có thể chỉ là nơi ông ấy làm việc.

*Cet homme travaille pour mon entreprise.*

*(Anh này làm việc cho công ti tôi)*

Công ti tôi có thể là công ti mà tôi làm việc và cũng có thể là công ti mà tôi điều hành.

*Tu aimes mon cadeau ?*

*(Bạn thích món quà của tôi chứ ?)*

Món quà của tôi có thể là món quà mà tôi vừa tặng cho bạn. Đó cũng có thể là món quà mà tôi mua để tặng cho ai đó hoặc là món quà mà tôi vừa nhận.

*Sa photo est belle.*

(*Tấm ảnh anh ta đẹp quá*)

*Tấm ảnh anh ta* có nghĩa là tấm giấy in hình anh ta trên đó, khác với *la photo de lui*, hình ảnh của anh ta.

Trong tiếng Pháp có những tình huống bắt buộc người nói phải sử dụng tính từ sở hữu nhưng cũng có tình huống không cần sử dụng tính từ sở hữu hoặc có thể dùng trong cách nói thân mật (langage familier).

### **Những trường hợp bắt buộc sử dụng tính từ sở hữu :**

- Khi danh từ có tính từ sở hữu đi kèm là bổ ngữ của động từ :

*Le Mékong a sa source en Chine.*

(*Sông Cửu Long bắt nguồn từ Trung Quốc*)

- Khi tính từ sở hữu là thành phần của nhóm danh từ bắt đầu bằng giới từ

*Le château était là, dans la forêt. La rivière baignait le pied de ses murailles [murailles du château]*

(*Toà lâu đài ở đó, trong khu rừng. Con sông chảy qua dưới chân lâu đài*)

- Khi danh từ có tính từ sở hữu đi kèm là chủ ngữ của câu :

*Le soleil se leva. Ses rayons caressèrent la cime de la montagne.*

(*Mặt trời lên. Những tia nắng lướt qua đỉnh núi*)

*Cet appartement est beau et cher : ses meubles sont en ébène.*

(*Căn hộ này đẹp và đắt tiền. Bàn ghế trong đó đều bằng gỗ mun*)

- Để tránh sự mập mờ về nghĩa :

*À cause de sa maladie, il n'a pas pu venir à mon anniversaire.*

(*Vì căn bệnh anh ta không thể đến dự sinh nhật tôi được*)

Nếu nói *À cause de la maladie, il n'a pas pu venir à mon anniversaire*, người nghe sẽ không biết đó là bệnh của anh ta hay căn bệnh nào đó đang xảy ra trong thành phố đã làm cản trở việc đến dự sinh nhật của anh ấy.

### Những trường hợp không sử dụng tính từ sở hữu :

➤ Khi đi kèm với danh từ chỉ bộ phận cơ thể. Trong trường hợp này tính từ sở hữu được thay thế bằng mạo từ xác định (article défini) và thường đi với động từ phản thân (verbe pronominal) :

*Elle s'est cassé le bras.*

Hoặc sự sở hữu được diễn đạt thông qua một đại từ :

*Il m'a pris la main. (m' = me = à moi). (Anh nắm tay tôi)*

Trong cách nói thân mật, người ta có thể nói : *Il a pris ma main.*

Thân mật hơn nữa thì : *Il m'a pris ma main.*

➤ Khi ngữ cảnh đã làm sáng tỏ mối quan hệ sở hữu :

*Ferme les yeux ! (Hãy nhắm mắt lại)*

*Elle a tourné la tête pour cacher ses larmes. (Chị ta quay mặt sang chỗ khác để giấu những giọt lệ)*

Nhưng nếu danh từ được bổ nghĩa bằng hai tính từ thì việc sử dụng tính từ sở hữu là bắt buộc :

*Elle avait ses beaux yeux embués de larmes.*

*(Lúc đó đôi mắt đẹp của cô ấy đang nhoà nước mắt)*

Hay khi danh từ chỉ bộ phận cơ thể làm chủ ngữ của câu :

*Ses mains sont pleines de cicatrices. (Đôi tay anh ấy đầy những vết sẹo)*

➤ Khi chủ sở hữu (le possesseur) là một danh từ chỉ sự vật, đồ vật :

*Avant de prendre une décision, il faut en examiner les conséquences. (en = de cette décision) (Trước khi đưa ra một quyết định nào đó, cần xem xét kỹ những hậu quả của nó)*

*L'incendie a brûlé une dizaine de maisons. Quelle en est la cause ? (en = de cet incendie). (Vụ cháy đã thiêu rụi hàng chục ngôi nhà. Đâu là nguyên nhân ?)*

➤ Để diễn đạt ý “ở nhà nó”, “đến nhà nó”, “từ nhà nó”, ... người Pháp không nói “à sa maison”, “de sa maison” mà nói “chez lui”, “de chez lui”, ...

*Il est allé **chez moi**. ( chez moi = à ma maison)*

*Elle est partie **de chez elle** à 6 heures. (de chez elle = de sa maison)*

Nếu so sánh cách nói của người Pháp và người Việt thì ta thấy có những trường hợp người Pháp dùng tính từ sở hữu mà người Việt thì không hoặc ngược lại :

*Avec **ses** 1750 m de long et 27 m de large, le Pont Mỹ Thuận est le plus grand du Vietnam.*

Nếu câu trên người Việt sẽ nói : *Với chiều dài 1750 m và ngang 27 m, cầu Mỹ Thuận là cầu lớn nhất Việt Nam mà không cần dùng thêm tính từ sở hữu.*

Tương tự :

*Tháng mười này, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh kỉ niệm **30 năm** ngày thành lập.*

nhưng trong câu tiếng Pháp thì phải có tính từ sở hữu :

*En octobre prochain, l'Université de Pédagogie de Hồ Chí Minh-Ville fêtera **ses 30 ans**.*

Hay trong các câu sau :

*Petit à petit, l'oiseau fait **son** nid. (Từ chút một con chim xây tổ cho mình)*

*Comme il a fait **son** lit, il dort.*

*(Vì sửa soạn giường chiếu xong, anh ta đi ngủ)*

*Tu as **ton** ticket ? (Bạn có vé không ?)*

*J'ai **ma** voiture ici. Viens prendre un verre à la maison.*

*(Tôi có xe ở đây. Bạn đến nhà tôi uống 1 li nhé.)*

*Lors de **vos** déplacements dans le train, nous vous invitons à vous munir de **votre** titre de transport.*

*(Trong khi đi lại trong xe lửa, xin quý hành khách mang theo vé xe.)*

Cũng có trường hợp trong câu nói của người Việt có dùng tính từ sở hữu nhưng nếu dịch sang tiếng Pháp thì phải cẩn trọng vì có thể làm lệch nghĩa :

*Đây là bạn tôi.*

Hai câu tiếng Pháp tương đương :

*C'est **une** ami.*

*C'est **mon** amie.*

nhưng mang nghĩa khác nhau. Câu 1 được hiểu : *Đây là 1 trong số những người bạn của tôi*, trong khi câu 2 thì có thể hiểu là : *Đây là người yêu của tôi* (= c'est ma petite amie, ma copine).

Ngoài ra bằng cách kết hợp với một động từ như *faire* (làm), tính từ sở hữu tạo nên một cấu trúc tương đương với một động từ đơn, như trong :

*Il **fit** son entrée.* (= il entra)

*Cette règle **trouve** son application dans beaucoup de cas.*  
(= cette règle est appliquée dans beaucoup de cas)

Tóm lại, cách diễn đạt khác nhau là kết quả của cách tư duy, cách nhìn khác nhau. Vì vậy, học sự khác biệt là vô cùng quan trọng đối với bất kì ai muốn diễn đạt chính xác lời nói của mình bằng ngoại ngữ mà mình sử dụng.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Charaudeau P. (1992), *Grammaire du sens et de l'expression*, Hachette, Paris.
- [2]. Delatour Y., Jennepin D., Léon-Dufour M., Matté-Yeganeth A., Teyssier B. (1991), *Grammaire du français. Cours de civilisation française de la Sorbonne*, Hachette, Paris.
- [3]. Grévisse M., Goosse A. (1995), *La nouvelle grammaire française*, De Boeck (3<sup>e</sup> édition revue).
- [4]. Monnerie A. (1987), *Le français au présent. Grammaire FLE*, Didier/hatier, Paris.
- [5]. Wagner R. L., Pinchon J. (1989), *Grammaire du français classique et moderne*, Hachette, Poitiers.

Tóm tắt

### **Tính từ sở hữu trong tiếng Pháp**

Trong tiếng Pháp, tính từ sở hữu không chỉ dùng để nói lên mối quan hệ sở hữu. Nó còn được dùng để chỉ những mối quan hệ khác như quan hệ xã hội, quan hệ biểu cảm, chỉ sự tôn kính hay diễn tả các sắc thái của lời nói. Khi xem xét hai câu diễn đạt cùng một ý nhưng bằng tiếng Pháp và tiếng Việt, tôi thấy có sự khác biệt lớn về cách dùng từ loại này. Vì vậy, nghiên cứu sự khác nhau này là cần thiết đối với tất cả những ai lưu tâm đến tính chính xác của lời nói.

Abstract

### **The possessive adjectives in French**

In French the possessive adjectives are used to express not only the idea of possession but also social relations, affective, appreciation, and shades of meaning. While examining the same idea expressed in French and in Vietnamese, we can discover big differences in use of this part of speech. It is necessary for speakers paying attention to exactness of the words to study these differences.